

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22 / 9 / 2020

V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông La Hồng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Cương;

2. Bà Lê Kim Chi.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lâm Trí Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa.**

Ngày 22 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2020/QĐXXST-HN ngày 18 tháng 5 năm 2020 và Thông báo số 14/TB-TA ngày 17/9/2020 về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Bích T, sinh ngày 29/12/1979, nơi cư trú: Số 1 Lô B, Chợ LB, ấp LB, xã LK, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông NGUYỄN W, sinh ngày 25/7/1953, nơi cư trú: B RD Houston Texas 77099, Hoa Kỳ (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện; bản tự khai nguyên đơn bà Hồ Thị Bích T trình bày:*

Bà và ông NGUYỄN W do mai mối, tìm hiểu yêu thương nhau nên quyết định đăng ký và được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 49, Quyền 01 ngày 16/02/2006. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2011 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hay cự cãi nên bà và ông NGUYỄN W đã sống xa cách đến nay đã gần 8 năm, không liên lạc với nhau.

Hiện tại bà không còn tình cảm với NGUYỄN W, không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 1 con chung tên Nguyễn Hồ Ca Th, sinh ngày 22/02/2008, hiện do bà nuôi dưỡng. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu ông NGUYỄN W cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông NGUYỄN W đã được Tòa án làm thủ tục ủy thác tư pháp tổng đạt Thông báo thụ lý và Lịch làm việc của Tòa án và Cơ quan có thẩm quyền của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ đã thực hiện ủy thác tư pháp nêu trên vào ngày 08/4/2019 bằng phương thức: Tổng đạt hồ sơ trực tiếp cho đương sự nhưng ông NGUYỄN W không có ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu ly hôn của bà T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và được nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông NGUYỄN W, cư trú tại 13102 Bassford RD Houston Texas 77099, Hoa Kỳ, nguyên đơn cư trú: Chợ LB, ấp LB, xã K, huyện C, tỉnh An Giang. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 469 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông NGUYỄN W đã được Tòa án làm thủ tục ủy thác tư pháp tổng đạt Thông báo thụ lý và Lịch xét xử của Tòa án và đã có kết quả ủy thác cơ quan có thẩm quyền hợp chủng quốc Hoa Kỳ đã thực hiện được việc ủy thác trên vào ngày 08/4/2019 bằng phương thức: Tổng đạt hồ sơ trực tiếp cho đương sự; Nhưng ông NGUYỄN W cũng không liên hệ Tòa án để có ý kiến về việc yêu cầu ly hôn của bà T.

Tòa án đã hoãn phiên tòa.

Thực hiện Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016, Tòa án nhân dân tỉnh đã thông báo và đã bà T nộp đầy đủ tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp. Tòa án đã ban hành Công văn số 01/TTTPDS-TA1 ngày 03/02/2020 kèm theo toàn bộ thủ tục gửi Bộ Tư pháp để được chuyển tới cơ quan có thẩm quyền về ủy thác tư pháp.

Bộ Tư pháp có Công văn số 429/CH-BTP ngày 24/02/2020 để chuyển đến và yêu cầu Công ty ABC Legal, Hoa Kỳ thực hiện yêu cầu ủy thác tư pháp, nhưng đến nay không có kết quả.

Ngày 13/8/2020, Tòa án nhân dân tỉnh đã đăng lên cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân tối cao và có Công văn số 10/TA-Vp gửi Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ để đề nghị

thông báo lên Cổng thông tin, nay vẫn không có kết quả.

Ngày 20/8/2020, Bộ Tư pháp có Công văn số 1990/BTP-PLQT thông tin về việc Công ty ABC Legal, Hoa Kỳ thông báo không thực hiện được ủy thác tư pháp do không có người nhận tại địa chỉ được yêu cầu.

Theo quy định tại khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự: “Trong trường hợp này, Tòa án không phải tổng đạt lại văn bản tố tụng cho đương sự ở nước ngoài. Hết thời hạn 01 tháng, kể từ ngày đăng thông báo, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự”.

Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Vụ án hôn nhân và gia đình không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên không có Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[2] Về nội dung, xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Bà Hồ Thị Bích T và NGUYỄN W tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang số 49, Quận 01 ngày 16/02/2006, được công nhận hôn nhân.

Sau khi kết hôn, ông bà sống chung với nhau được thời gian ngắn. Ông NGUYỄN W về Hoa Kỳ và không trở lại Việt Nam, bà và ông không còn liên lạc với nhau nhiều năm. Thấy rằng việc vợ, chồng ông bà không chung sống cùng nhau nhiều năm, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông NGUYỄN W theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Có 1 con chung tên Nguyễn Hồ Ca Th, sinh ngày 22/02/2008 hiện do bà nuôi dưỡng. Cháu Ca Thi cũng có nguyện vọng được sống với bà T, xét chấp nhận. Đồng thời chấp nhận việc bà T không yêu cầu ông NGUYỄN W cấp dưỡng nuôi con, theo quy định khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ghi nhận việc bà Hồ Thị Bích T xác định không có tài sản chung và nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có người khởi kiện và xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà T và ông NGUYỄN W trong thời kỳ hôn nhân thì bà Hồ Thị Bích T và ông NGUYỄN W phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và chi phí tố tụng khác.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Bích T;

1. Bà Hồ Thị Bích T được ly hôn với ông NGUYỄN W.

Giấy chứng nhận kết hôn số 49, Quyền 01 ngày 16/02/2006 của Ủy ban nhân tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao cho Hồ Thị Bích T nuôi dạy cháu Nguyễn Hồ Ca Th, sinh ngày 22/02/2008.

Ông NGUYỄN W không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận việc bà Hồ Thị Bích T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà Hồ Thị Bích T và ông NGUYỄN W trong thời kỳ hôn nhân thì bà Hồ Thị Bích T và ông NGUYỄN W phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

4. Về chi phí tố tụng:

Bà T phải chịu chi phí ủy thác tư pháp là 2.975.360 (Hai triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn ba trăm sáu mươi) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 3.020.000 ( Ba triệu không trăm hai mươi ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0004361 ngày 13/01/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà T được nhận lại 66.640 (Sáu mươi sáu ngàn sáu trăm bốn mươi) đồng.

Bà Hồ Thị Bích T phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng chi phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số: AA/2017/0004321 ngày 13/01/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Hồ Thị Bích T đã nộp đủ lệ phí ủy thác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Hồ Thị Bích T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: TU/2017/0009737 ngày 10/01/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Hồ Thị Bích T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Thời hạn kháng cáo của ông NGUYỄN W là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Phòng KTNV-THA;
- Văn phòng;
- Lưu: Tòa GD&NCTN, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**La Hồng**